

Bài báo nghiên cứu XÂY DỰNG CÁC LUẬN CỨ TUÂN THỦ ĐẠO ĐỨC NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mai Mỹ Hạnh, Cao Anh Tuấn, Trần Thị Diễm Quỳnh, Võ Thành Tiến*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Mai Mỹ Hạnh – Email: hanhmm@hcmue.edu.vn*

Ngày nhận bài: 20-8-2024; ngày nhận bài sửa: 26-6-2025; ngày duyệt đăng: 25-7-2025

TÓM TẮT

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những nhiệm vụ trọng điểm của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) trong bối cảnh hiện nay. Do vậy, việc xây dựng các luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu là cần thiết để bảo vệ người tham gia và người thực hiện nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả của các công trình nghiên cứu. Bài viết phân tích số liệu từ kết quả nghiên cứu đã cho thấy rằng có đến 31 khách thể là giảng viên (GV) (chiếm 96,88%) và 527 khách thể là học viên (HV)/ sinh viên (SV) (chiếm 89,63%) cho rằng việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu tại Trường ĐHSP TPHCM là cần thiết và rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: luận cứ pháp lý; luận cứ thực tiễn; đạo đức nghiên cứu; luận cứ lý luận

1. Giới thiệu

Đạo đức khoa học là một vấn đề quan trọng và cơ bản trong lĩnh vực NCKH, thu hút sự quan tâm, chú ý không chỉ của giới khoa học mà của toàn xã hội. Hoạt động khoa học nói chung và nghiên cứu nói riêng có ảnh hưởng lớn đến xã hội và con người, cho nên các chuẩn mực đạo đức đóng một vai trò rất cơ bản đối với các nhà khoa học. Chuẩn mực đạo đức không phải là luật pháp, mà là những quy ước hay điều lệ về hành xử được các thành viên trong ngành nghề chuyên môn chấp nhận như là những kim chỉ nam cho việc hành nghề. Đạo đức nghiên cứu thúc đẩy nhà nghiên cứu thực hiện hoạt động nghiên cứu một cách có trách nhiệm, thể hiện sự trung thực, tôn trọng người tham gia cung cấp thông tin. David B. Resnik (2015) đã chỉ ra 5 lý do để lý giải tại sao cần tuân thủ đạo đức nghiên cứu trong khoa học: thứ nhất, tiêu chuẩn đạo đức thúc đẩy đạt đến mục tiêu nghiên cứu, như kiến thức, sự thật và tránh được sai sót; thứ hai, các tiêu chuẩn đạo đức thúc đẩy hình thành các giá trị cần thiết cho việc cộng tác thành công giữa các thành viên trong nhóm; thứ ba, tiêu chuẩn đạo đức giúp đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu có thể chịu trách nhiệm trước công chúng; thứ

Cite this article as: Mai, M. H., Cao, A. T., Tran, T. D. Q., & Vo, T. T. (2025). Building arguments adhering to research ethics at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(7), 1337-1347. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.7.5143\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.7.5143(2025))

tư, thực hiện tiêu chuẩn đạo đức cũng giúp kêu gọi sự hỗ trợ của cộng đồng cho nghiên cứu; thứ năm, nhiều tiêu chuẩn đạo đức khoa học thúc đẩy hình thành và phát triển một loạt các giá trị đạo đức xã hội quan trọng khác. Để có được các tiêu chuẩn đạo đức nghiên cứu ở một lĩnh vực cụ thể thì rất cần xác định cụ thể các luận cứ để đảm bảo tính khách quan và phù hợp với bối cảnh cụ thể. (Resnik, 2015)

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỉ XX, các tổ chức và hiệp hội uy tín như Hiệp hội Y tế Thế giới (WMA), Hiệp hội Xã hội học Quốc tế (ISA), Tổ chức Tâm lí Xã hội Anh (BPS) đã đưa ra các tuyên bố, quy tắc và hướng dẫn nhằm khẳng định tầm quan trọng của đạo đức trong NCKH. Ở Việt Nam, các quy định pháp lí về đạo đức nghiên cứu đã được ban hành và cụ thể hóa bởi các bộ, ngành và một số trường đại học quy định rõ ràng về các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản như tính trung thực, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, tránh đạo văn, gian lận trong nghiên cứu và nêu ra các hình thức xử lí vi phạm.

Khái niệm luận cứ được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn hướng tiếp cận khái niệm luận cứ dưới góc độ khoa học: Luận cứ là hệ thống lí luận và thông tin thực tiễn có liên quan đến nội dung nghiên cứu, được thu thập bằng các phương pháp khoa học và được chứng minh bằng bằng chứng để hỗ trợ giả thuyết khoa học.

Thống nhất theo quan điểm của tác giả Bùi Hồng Việt (2017) và các nhà nghiên cứu khác, khái niệm đạo đức NCKH được hiểu là: các chuẩn mực, nguyên tắc dùng để giáo dục, giám sát, bảo vệ người tham gia và thực hiện nghiên cứu. (Bui, 2017)

Nghiên cứu này tiếp cận khái niệm luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu là hệ thống lí luận và thông tin thực tiễn để người nghiên cứu và các bên liên quan tuân thủ các chuẩn mực, nguyên tắc, quy định pháp lí căn bản trong một số lĩnh vực khoa học cụ thể nhằm bảo vệ người tham gia và cả người thực hiện nghiên cứu.

Hoạt động NCKH ở Trường ĐHSP TPHCM là một trong những hoạt động diễn ra vô cùng sôi nổi, đầy sáng tạo và nhận được sự quan tâm từ Ban Giám hiệu đến các khoa, phòng, ban trực thuộc của Trường. Nhà trường xác định có 03 mục tiêu của hoạt động NCKH của SV là: thứ nhất, hỗ trợ học tập, tạo điều kiện gắn liền lí thuyết và thực tiễn từ những môn học thuộc chương trình đào tạo của Trường; thứ hai, phát huy được tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập, phương pháp làm việc nhóm của SV, hình thành cho người tham gia năng lực tự học; thứ ba, hoạt động NCKH của SV góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thông qua NCKH để nhà trường phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ NCKH. Nhà trường cũng đã xác định và ban hành những văn bản có liên quan nhằm đảm bảo tính khoa học, tính liêm chính, đạo đức trong nghiên cứu. Giá trị cốt lõi mà Trường ĐHSP TPHCM luôn thực hiện xuyên suốt chính là Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn, chính vì thế trong các hoạt động, điều đầu tiên luôn được quan tâm chính là chất lượng. Để thực hiện được điều đó, trong hoạt động NCKH nhằm đảm bảo được sự chất lượng, Nhà trường căn cứ vào các văn bản pháp quy và ban hành các quy định.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu. Trong đó, chỉ nghiên cứu trong hoạt động NCKH của SV và GV tại Trường ĐHSP TPHCM.

Khách thể nghiên cứu của đề tài là GV và HV/SV. Dựa vào giới hạn nghiên cứu, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đối với HV/ SV, số phiếu phát ra là 600 phiếu, số phiếu hợp lệ thu về là 588 phiếu. Đối với khách thể là GV, số phiếu phát ra là 35 phiếu, số phiếu hợp lệ thu về là 32 phiếu.

Bảng 1. Mô tả về mẫu nghiên cứu

		Thông số	Tần số (Tỉ lệ %)
HV/ SV	Ngành	Khối ngành Sư phạm	137 (23,3%)
		Khối ngành Ngoài sư phạm	16 (2,7%)
		Khối ngành đặc thù	435 (74,0%)
	Đang tham gia nhóm nghiên cứu	Không	530 (90,1%)
		Có	58 (9,9%)
Tổng			588 (100%)
GV	Học vị	Thạc sĩ	9 (28,1%)
		Tiến sĩ	23 (71,9%)
	Có thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu hàng năm	Không	23 (71,9%)
		Có	9 (28,1%)
Tổng			32 (100%)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành thông qua việc phối hợp đồng bộ một số phương pháp sau: nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận, nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn gồm: phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp phỏng vấn chuyên gia và phương pháp toán thống kê.

Phương pháp nghiên cứu lí luận: Xây dựng một hệ thống khái niệm công cụ, làm tiêu chí để xây dựng công cụ khảo sát thực tiễn dựa trên sự tổng hợp các tài liệu và công trình nghiên cứu, sách báo, tạp chí chuyên ngành có liên quan.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Đây là phương pháp nghiên cứu chính của đề tài, nhằm xây dựng luận cứ về mặt thực tiễn và lấy ý kiến các bên có liên quan về các luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu tại Trường ĐHSP TPHCM.

Phương pháp toán thống kê: Sử dụng phần mềm SPSS để tính tỉ lệ phần trăm, tần số, độ lệch chuẩn... Trên cơ sở đó, phân tích dữ liệu để làm rõ căn cứ tuân thủ đạo đức về mặt thực tiễn.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Luận cứ về mặt lí luận

Trong khuôn khổ nghiên cứu này nhóm tác giả lựa chọn hướng tiếp cận khái niệm luận cứ dưới góc độ khoa học, cụ thể: Luận cứ là hệ thống lí luận và thông tin thực tiễn có liên quan đến nội dung nghiên cứu, được thu thập bằng các phương pháp khoa học và được chứng minh bằng bằng chứng để hỗ trợ giả thuyết khoa học.

Trong quá trình tìm hiểu và tổng hợp, chúng tôi nhận thấy các nghiên cứu trong và ngoài nước đều đề cập một số nguyên tắc cơ bản nhất về việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu, có thể khái quát lại như sau:

- Quy tắc này bao gồm các hướng dẫn về việc đối xử công bằng, tôn trọng đa dạng và quyền riêng tư, đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong công bố nghiên cứu, cũng như trách nhiệm xã hội của nhà xã hội học đối với cộng đồng và xã hội.

- Sự quan tâm nghiên cứu: Đặt sự quan tâm của con người lên hàng đầu, nghĩa là nghiên cứu phải mang lại lợi ích cho sức khỏe và trạng thái tinh thần của con người; Lợi ích của con người: Mọi nghiên cứu phải được thực hiện với mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho con người, tránh những hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe và quyền lợi của cá nhân hoặc cộng đồng; Sự đồng ý tham gia: Đảm bảo rằng tất cả những người tham gia vào nghiên cứu đều đã cung cấp sự đồng ý rõ ràng, tự do và thông tin về mục tiêu, phương pháp và hậu quả của nghiên cứu; Tính bảo mật: Bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư của cá nhân tham gia nghiên cứu, đồng thời đảm bảo rằng dữ liệu được thu thập và sử dụng một cách đúng đắn và an toàn.

- Tính chân thật và minh bạch, không gian dối hay biến tình thế để làm cho kết quả nghiên cứu trở nên hấp dẫn hoặc phù hợp với quan điểm cá nhân; Trách nhiệm học thuật trong việc trích dẫn nguồn gốc và công bằng trong sử dụng thông tin từ những nghiên cứu trước đó; Tôn trọng quyền lợi, sự tự trọng và quyền riêng tư của con người tham gia trong nghiên cứu. Không được xâm phạm vào quyền riêng tư hoặc tự do cá nhân của người tham gia mà không có sự đồng ý của họ; Chấp nhận trách nhiệm đối với xã hội qua việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để cải thiện cuộc sống của cộng đồng hoặc đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội quan trọng.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây tại Việt Nam đã có thêm sự bổ sung luận cứ về mặt lí luận, có thể nhắc đến nghiên cứu do Cao (2021) làm chủ nhiệm. Đây là một công trình nghiên cứu cung cấp nhiều luận cứ về mặt lí luận tuân thủ đạo đức:

Phần thứ nhất: Đạo đức trong NCKH là một bộ phận của đạo đức xã hội, là những quy tắc, những chuẩn mực nhằm điều tiết hành vi một cách tự giác, tự nguyện của nhà khoa học trong hoạt động NCKH.

Phần thứ hai: Việc tìm hiểu đạo đức trong NCKH ở một số quốc gia trên thế giới, cụ thể là Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc. Đây là chương trọng yếu của đề tài, được các

tác giả xem xét rất kỹ lưỡng và đưa ra rất nhiều số liệu, tư liệu, để đưa ra hình dung toàn diện, cụ thể và cập nhật về tình hình đạo đức nghiên cứu tại các quốc gia trên.

Phần thứ ba: Thông qua việc khảo sát về tình hình thực hiện đạo đức nghiên cứu ở một số quốc gia trên thế giới, đề tài đã có được một hình dung tương đối khái quát về thực trạng đạo đức nghiên cứu của giới khoa học hiện đại nói chung. Dựa trên nền tảng đó, đề tài đã rút ra một số bài học và đề xuất một số gợi ý về mặt phương hướng và chính sách cho việc thực hiện đạo đức nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay (Cao et al., 2021).

Ngoài những luận cứ nêu trên, có thể đề cập đến những nhà nghiên cứu tại Việt Nam đã đặt những nền móng vững chắc, đưa chủ đề này được nhiều người quan tâm và tập trung nghiên cứu như tác giả Phamy (2015) đã xác định: Người nghiên cứu có nghĩa vụ thông tin đầy đủ cho đối tượng được nghiên cứu về mục đích của nghiên cứu, thời gian và quy trình thực hiện, quyền của đối tượng nghiên cứu được rút ra khỏi cuộc nghiên cứu bất cứ lúc nào kể cả khi nó đã bắt đầu và hệ quả của việc này; những triển vọng về lợi ích mà cuộc nghiên cứu mang lại kể cả những khích lệ dành cho người tham gia; những rủi ro có thể xảy ra, những bất tiện có thể có hay bất cứ tác động tiêu cực nào cuộc nghiên cứu có thể gây ra; những cam kết về việc giữ kín thông tin và giới hạn trong những cam kết ấy; ai là người họ có thể tiếp xúc nếu có thắc mắc cần giải đáp. Những yêu cầu này là bắt buộc đối với nghiên cứu y khoa, tuy vậy trong một số lĩnh vực thủ tục kí phiếu chấp thuận này có thể được bỏ qua khi luật pháp hoặc quy định của nhà trường cho phép (Pham, 2015); tác giả Trần Thị Hồng Hạnh (2022) đã cho rằng Đạo đức trong nghiên cứu quyền con người là những quy tắc ứng xử của nhà nghiên cứu về quyền con người dựa trên sự tôn trọng bản thân, tôn trọng người khác nhằm bảo vệ nhân phẩm, sự bình đẳng và không phân biệt đối xử trong suốt quá trình nghiên cứu về quyền con người từ quá trình thiết kế và thực hiện nghiên cứu đến việc sử dụng các nguồn lực và kết quả nghiên cứu. Đạo đức nghiên cứu quyền con người được thể hiện cụ thể ở 2 phương diện: một là đạo đức của nhà nghiên cứu trong việc thực hiện nghiên cứu đó, hai là tác động của những định hướng nội dung, mục đích và kết quả nghiên cứu của nhà khoa học đối với đời sống xã hội (Tran, 2022).

2.3.2. *Luận cứ về mặt pháp lý*

Đạo đức nghiên cứu được phát triển nhiều nhất như một khái niệm trong nghiên cứu y học, nhưng các nguyên tắc có thể áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực nghiên cứu. Sự đồng ý và bảo mật có hiểu biết cũng quan trọng đối với một nghiên cứu xã hội học cũng như đối với nghiên cứu lâm sàng. Các tổ chức trên thế giới cũng đã đưa ra những quy định rõ ràng trong việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu đối với nhà nghiên cứu, có thể kể đến: Bộ luật Nuremberg (1947) tại Đức, Hiến chương châu Âu về các Quyền Cơ bản (Điều 3: Quyền về sự toàn vẹn của con người; Điều 7: Tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình; Điều 8: Bảo vệ dữ liệu cá nhân) (European Commission, 2013), Tổ chức Tâm lý xã hội Anh đưa ra các nguyên tắc liên quan đến đạo đức nghiên cứu (Tôn trọng quyền tự chủ, quyền riêng tư và

giá trị cá nhân, nhóm và cộng đồng; Tính chính trực khoa học; Trách nhiệm xã hội; Tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu tác hại).

Có thể thấy rằng đạo đức nghiên cứu là một khía cạnh vô cùng quan trọng và không thể thiếu trong mọi lĩnh vực nghiên cứu, bao gồm cả y học và khoa học xã hội. Vấn đề này luôn được các tổ chức và nhiều quốc gia quan tâm. Những nguyên tắc và quy định về đạo đức nghiên cứu không chỉ được xây dựng để bảo vệ quyền lợi và sức khỏe của những người tham gia nghiên cứu mà còn để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công bằng của kết quả nghiên cứu. Sự đồng ý có hiểu biết của người tham gia là điểm nền tảng quan trọng nhất, được xem như một bước quan trọng để đảm bảo tính tự nguyện và đúng đắn khi tham gia vào nghiên cứu. Đồng thời, việc giảm thiểu tác hại và tối đa hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan cũng là một mục tiêu quan trọng trong đạo đức nghiên cứu. Chỉ khi tuân thủ các nguyên tắc và quy định này một cách nghiêm túc và minh bạch, chúng ta mới có thể đảm bảo rằng nghiên cứu được tiến hành một cách đúng đắn và có giá trị.

Đạo đức nghiên cứu tại Việt Nam đã nhận được sự quan tâm không chỉ của các nhà khoa học mà còn thu hút sự chú ý của toàn thể xã hội. Đến nay vấn đề này vẫn đang là các vấn đề được tranh luận, nghiên cứu từ những nhà khoa học. Để có thể quản lý và kiểm soát được hoạt động NCKH, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ban, ngành có liên quan đã ban hành những văn bản pháp quy để kiểm soát. Những văn bản này cũng được xem là những tuyên bố đạo đức trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Những văn bản pháp quy tại Việt Nam có thể đề cập: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 dành riêng 1 chương để xác định quyền và nghĩa vụ của con người (National Assembly, 2013); Luật Khoa học và công nghệ 2013 (11 chương, 81 điều) đã có quy định cụ thể và chi tiết đối với khoa học và công nghệ (National Assembly, 2013); văn bản hợp nhất Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH năm 2019 (12 chương, 73 điều) đã xác định các nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức... tại các cơ sở giáo dục đại học; vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng khoa học tại các cơ sở trên toàn quốc; mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm của các bên liên quan đến khoa học và công nghệ (Office of the National Assembly, 2018). Ngoài ra, có thể kể đến Luật Sở hữu trí tuệ (National Assembly, 2005), Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học (Government, 2022), Thông tư số 4/TT-BYT về quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học (Ministry of Health, 2020).

Như vậy, đạo đức nghiên cứu là một vấn đề không mới nhưng luôn nhận được sự quan tâm từ nhiều phía, đặc biệt là những nhà khoa học. Việc tìm hiểu những văn bản pháp lý sẽ là bước đầu đảm bảo tính minh bạch, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, những văn bản pháp lý sẽ là những hành lang pháp lý giúp củng cố cho những luận cứ của đạo đức nghiên cứu.

2.3.3. Luận cứ về mặt thực tiễn

- **Sự cần thiết của việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức tại Trường ĐHSP TPHCM trong bối cảnh hiện nay** (xem Bảng 2)

Bảng 2. Mức độ cần thiết của việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức tại Trường ĐHSP TPHCM theo GV và HV/ SV

Mức độ cần thiết	GV	HV/SV
5. Rất cần thiết	21 (65,63%)	390 (66,33%)
4. Cần thiết	10 (31,25%)	137 (23,30%)
3. Bình thường	1 (3,13%)	54 (9,18%)
2. Không cần thiết	0	2 (0,34%)
1. Hoàn toàn không cần thiết	0	5 (0,85%)
ĐTB chung	4,62	4,54

Số liệu thu được từ hai nhóm khách thể về mức độ cần thiết của việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức tại Trường ĐHSP TPHCM cho thấy, điểm trung bình (ĐTB) về ý kiến của GV = 4,62 và ĐTB chung về ý kiến của HV/SV là 4,54. Ở cả hai nhóm khách thể đều cho thấy việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức là cần thiết. Có 31 GV chiếm 96,88% cho rằng việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức là “cần thiết” hoặc “rất cần thiết”. Kết quả thu được từ 588 HV/SV cho kết quả có 527 HV/SV (chiếm 89,63%) cho rằng việc xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức là “cần thiết” hoặc “rất cần thiết”.

- **Yêu cầu về luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu tại Trường ĐHSP TPHCM** (xem Bảng 3)

Bảng 3. Yêu cầu về luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu tại Trường ĐHSP TPHCM

Các loại luận cứ	Mức độ đồng ý	GV		HV/SV	
		Tần số	%	Tần số	%
Luận cứ lí thuyết và luận cứ thực tiễn	1. Hoàn toàn không đồng ý	3	9,38	68	11,56
	2. Không đồng ý	4	12,50	12	2,04
	3. Phân vân	7	21,88	143	24,32
	4. Đồng ý	12	37,50	232	39,46
	5. Hoàn toàn đồng ý	6	18,75	133	22,62
ĐTB chung		3,44		3,60	
Luận cứ lí thuyết, luận cứ thực tiễn, luận cứ pháp lí	1. Hoàn toàn không đồng ý	3	9,38	64	10,88
	2. Không đồng ý	1	3,13	11	1,87
	3. Phân vân	3	9,38	103	17,52
	4. Đồng ý	14	43,75	251	42,69
	5. Hoàn toàn đồng ý	11	34,38	159	27,04
ĐTB chung		3,91		3,73	

Dựa vào kết quả nghiên cứu có thể thấy được rằng ở cả khách thể là GV và HV/SV đều có mức độ đồng ý cao hơn với luận cứ thứ hai (bao gồm 3 loại: luận cứ lí thuyết, luận

cứ thực tiễn, luận cứ pháp lí). GV có ĐTB về mức độ “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” cao hơn so với HV/SV, cho thấy được GV có sự đồng ý mạnh mẽ hơn về sự cần thiết của việc xây dựng các luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu.

• **Các nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu**

Liên quan đến các nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu, đề tài đã tiến hành khảo sát mức độ đồng ý của các khách thể về những nội dung được đưa vào để xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu. Kết quả được trình bày ở Bảng 4 sau đây:

Bảng 4. Các nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu

Các nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu	Mức độ	GV	HV/SV
(1) Bảo vệ quyền và lợi ích của những người tham gia nghiên cứu; (2) đảm bảo nghiên cứu có khả năng thu hút sự tham gia thực sự của cá nhân, nhóm hay toàn xã hội; (3) kiểm tra tính chính xác của nghiên cứu, quản lí rủi ro, bảo mật thông tin và nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu từ đối tượng.	1. Hoàn toàn không đồng ý	2 (6,25%)	68 (11,56%)
	2. Không đồng ý	1 (3,13%)	8 (1,36%)
	3. Phân vân	3 (9,38%)	98 (16,67%)
	4. Đồng ý	14 (43,75%)	264 (44,90%)
	5. Hoàn toàn đồng ý	12 (37,50%)	150 (25,51%)
ĐTB chung		4,03	3,71
(1) Đảm bảo sự tôn trọng và đối xử công bằng với những người tham gia nghiên cứu, (2) tuân thủ các quy định pháp lí, (3) đảm bảo tính minh bạch, (4) trung thực trong thu thập và báo cáo dữ liệu, (5) sự đa dạng và phân biệt trong việc nghiên cứu, (6) phát triển kiến thức.	1. Hoàn toàn không đồng ý	1 (3,13%)	64 (10,88%)
	2. Không đồng ý	1 (3,13%)	8 (1,36%)
	3. Phân vân	1 (3,13%)	87 (14,80%)
	4. Đồng ý	16 (50,00%)	263 (44,73%)
	5. Hoàn toàn đồng ý	13 (40,63%)	166 (28,23%)
ĐTB chung		4,22	3,78
(1) Tính chân thật và minh bạch...; (2) Trách nhiệm học thuật...; (3) Tôn trọng quyền lợi, sự tự trọng và quyền riêng tư của con người tham gia trong nghiên cứu...; (4) Chấp nhận trách nhiệm đối với xã hội...	1. Hoàn toàn không đồng ý	1 (3,13%)	68 (11,56%)
	2. Không đồng ý	0	7 (1,19%)
	3. Phân vân	2 (6,25%)	85 (14,46%)
	4. Đồng ý	15 (46,88%)	267 (45,41%)
	5. Hoàn toàn đồng ý	14 (43,75%)	161 (27,38%)
ĐTB chung		4,28	3,76

	1. Hoàn toàn không đồng ý	1 (3,13%)	62 (10,54%)
	2. Không đồng ý	1 (3,13%)	8 (1,36%)
(1) Sự quan tâm nghiên cứu; (2) Lợi ích của con người; (3) Sự đồng ý tham gia; (4) Tính bảo mật.	3. Phân vân	4 (12,50%)	98 (16,67%)
	4. Đồng ý	15 (46,88%)	261 (44,39%)
	5. Hoàn toàn đồng ý	11 (34,38%)	159 (27,04%)
ĐTB chung		4,06	3,76

Từ kết quả trên, đối với khách thể là GV, có thể thấy rằng nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu được đánh giá cao nhất với ĐTB = 4,28 là “(1) Tính chân thật và minh bạch, không gian dối hay biến tình thế để làm cho kết quả nghiên cứu trở nên hấp dẫn hoặc phù hợp với quan điểm cá nhân; (2) Trách nhiệm học thuật trong việc trích dẫn nguồn gốc và công bằng trong sử dụng thông tin từ những nghiên cứu trước đó; (3) Tôn trọng quyền lợi, sự tự trọng và quyền riêng tư của con người tham gia trong nghiên cứu. Không được xâm phạm vào quyền riêng tư hoặc tự do cá nhân của người tham gia mà không có sự đồng ý của họ; (4) Chấp nhận trách nhiệm đối với xã hội qua việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để cải thiện cuộc sống của cộng đồng hoặc đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội quan trọng”. Trong đó, có đến 29 khách thể (chiếm 90,63%) lựa chọn đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nội dung này. Mệnh đề được đánh giá thấp nhất liên quan đến các nội dung tuân thủ đạo đức nghiên cứu với ĐTB = 4,03 là “(1) Bảo vệ quyền và lợi ích của những người tham gia nghiên cứu; (2) đảm bảo nghiên cứu có khả năng thu hút sự tham gia thực sự của cá nhân, nhóm hay toàn xã hội; (3) kiểm tra tính chính xác của nghiên cứu, quản lý rủi ro, bảo mật thông tin và nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu từ đối tượng”.

Đối với khách thể là HV/SV, ĐTB của các mệnh đề không có quá nhiều sự chênh lệch và phân bố từ 3,71 đến 3,78. Nội dung được đánh giá cao nhất với ĐTB = 3,78 là “(1) đảm bảo sự tôn trọng và đối xử công bằng với những người tham gia nghiên cứu, (2) tuân thủ các quy định pháp lý, (3) đảm bảo tính minh bạch, (4) trung thực trong thu thập và báo cáo dữ liệu, (5) sự đa dạng và phân biệt trong việc nghiên cứu, (6) phát triển kiến thức”. Trong đó có 429 khách thể (chiếm 72,96%) là đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nội dung này. Và nội dung được đánh giá thấp nhất với ĐTB = 3,71 là “(1) Bảo vệ quyền và lợi ích của những người tham gia nghiên cứu; (2) đảm bảo nghiên cứu có khả năng thu hút sự tham gia thực sự của cá nhân, nhóm hay toàn xã hội; (3) kiểm tra tính chính xác của nghiên cứu, quản lý rủi ro, bảo mật thông tin và nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu từ đối tượng”. Nội dung này có sự tương đồng với đánh giá của GV.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy bức tranh tổng thể về thực trạng đạo đức nghiên cứu tại Trường ĐHSP TPHCM. Thông qua kết quả khảo sát là một nguồn dữ liệu đáng tin cậy

để có thể đưa ra những biện pháp phù hợp nâng cao nhận thức về đạo đức nghiên cứu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi nhà nghiên cứu tuân thủ những nội dung đó đầy đủ và chuẩn xác. Ngoài ra, với kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn GV và SV cho rằng rất cần thiết xây dựng luận cứ tuân thủ đạo đức nghiên cứu tại Trường. Điều này cho thấy, Trường ĐHSP TPHCM không những chú trọng vào nội dung, tính mới... của các nghiên cứu mà còn chú trọng đến việc tuân thủ đạo đức. Điều này chính là điều kiện rất thuận lợi để giúp việc triển khai thực hiện các luận cứ đạo đức nghiên cứu, ngoài ra còn góp phần thúc đẩy sự minh bạch của các nghiên cứu tại Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2023.19.12ĐH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, H. V. (2017). Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học [Ethical issues in scientific research]. *Social Sciences Information Review*, 4(412), 18-23.
- British Psychological Society. (2021). *BPS Code of Human Research Ethics*. <https://www.bps.org.uk/guideline/bps-code-human-research-ethics>
- Cao, T. H., Le, T. T., & Nguyen, V. P. (2021). *Đạo đức trong nghiên cứu khoa học: Kinh nghiệm thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam* [The Ethics in Scientific Research: Global Experiences and Policy Recommendations for Vietnam]. [Ministry level research topic]. Vietnam Academy of Social Sciences. Code: KQ035500.
- European Commission. (2013). *Ethics for researchers*. Publications office of the European Union, European Union. (2012).
- Government. (2022). *Nghị định 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học* [Decree on Science and Technology Activities in Higher Education Institutions]. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207110>
- International Sociological Association. (2001). *Code of Ethics*. <https://www.isa-sociology.org/en/about-isa/code-of-ethics>
- Ministry of Health. (2020). *Thông tư 4/TT-BYT: Quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học* [Circular: Regulations on the Establishment, Functions, Duties, and Powers of the Ethics Committee in Biomedical Research]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-4-TT-BYT-2020-thanh-lap-chuc-nang-nhiem-vu-Hoi-dong-dao-duc-trong-nghien-cuu-y-sinh-hoc-440446.aspx>
- National Assembly. (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ* [Law on Intellectual Property]. <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=30015>

- National Assembly. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013* [The Constitution of the Socialist Republic of Vietnam]. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=171264&classid=1&typegroupid=1>
- National Assembly. (2013). *Luật số 29/2013/QH13 về Khoa học và Công nghệ* [Law on Science and Technology]. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=169383>
- Office of the National Assembly. (2018). *Văn bản hợp nhất 42/VBHN-VPQH năm 2018 hợp nhất Luật Giáo dục đại học* [Law on Higher Education]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Van-ban-hop-nhat-42-VBHN-VPQH-2018-Luat-Giao-duc-dai-hoc-407245.aspx>
- Pham, T. L. (2015). Một số vấn đề cơ bản về đạo đức khoa học và văn hóa nghiên cứu [Some fundamental issues regarding scientific ethics and research culture]. *Vietnam Journal of Science and Technology*, (6), 62-64.
- Resnik, D. B. (2015). What is ethics in research & why is it important? *National Institutes of Health*. <https://www.niehs.nih.gov/research/resources/bioethics/whatis>.
- The nuremberg code. (1949). Trials of war criminals before the Nuremberg military tribunals under control council law, 2(10), 181-182. U.S. Government Printing Office.
- Tran, T. H. H. (2022). *Đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật trong nghiên cứu quyền con người* [Research Ethics and Academic Integrity in Human Rights Research]. Institute of Human Rights, Ho Chi Minh National Academy of Politics.
- The World Medical Association (WMA). (2024). WMA Declaration of Helsinki—Ethical Principles for Medical Research Involving Human Participants. WMA: Ferney-Voltaire, France.

BUILDING ARGUMENTS ADHERING TO RESEARCH ETHICS

AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

Mai My Hanh*, Cao Anh Tuan, Tran Thi Diem Quynh, Vo Thanh Tien

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Mai My Hanh – Email: hanhmm@hcmue.edu.vn*

Received: August 20, 2024; Revised: June 26, 2025; Accepted: July 25, 2025

ABSTRACT

As one of the two leading pedagogical universities in Vietnam, Ho Chi Minh City University of Education is tasked with training virtuous and skilled 4.0 educators to support national industrialization and modernization. Scientific research is a core mission in this context, with ethical argument construction being vital to safeguard participants and researchers while enhancing training quality and research outcomes. Survey data reveal that 31 lecturers (96.88%) and 527 students (89.63%) consider adherence to research ethics essential. These findings underscore the critical role of ethical practices in advancing the university's mission and research excellence.

Keywords: legal arguments; practical arguments; research ethics; theoretical arguments